

Một số vấn đề trong phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt nam hiện nay và những năm tới

(Bài trình bày của Thứ trưởng Bùi Bá Bổng, Chủ tịch Ban điều hành ISG tại Hội nghị lần thứ 8 của Ban điều hành ngày 30 tháng 3 năm 2004)

A- khái quát tình hình nông nghiệp, nông thôn năm 2003 - 2004

I. Tình hình và kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn năm 2003 - 2004

1. Kết quả sản xuất nông, lâm diêm nghiệp

Năm 2003 ngành Nông nghiệp Việt Nam đứng trước những thách thức to lớn: Thiên tai lụt bão, cháy rừng, dịch bệnh xảy ra liên tiếp trên nhiều vùng trong phạm vi cả nước, gây tổn thất rất lớn về người và tài sản của Nhà nước và nhân dân, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, nhất là về cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông nghiệp.

Đầu ra của nông sản tiếp tục khó khăn, cạnh tranh ngày càng gay gắt không chỉ trên thị trường thế giới mà ngay cả thị trường trong nước. Trong khi chi phí đầu vào của nông sản liên tục tăng; vốn đầu tư XDCB của Nhà nước giảm dần.

Bên cạnh những khó khăn trên đây, Ngành có những thuận lợi cơ bản:

Ngành Nông nghiệp luôn được Chính phủ quan tâm theo dõi, chỉ đạo giải quyết những khó khăn, vướng mắc, nhất là trong xử lý khắc phục những tình huống đột xuất như thiên tai, bão lũ, hạn hán; bổ sung vốn đầu tư XDCB; cho phát hành trái phiếu chính phủ; đầu tư một số chương trình trọng điểm.

Với những thuận lợi trên, toàn ngành cùng với hàng triệu nông dân đã nỗ lực phấn đấu và đã đạt được thành tựu quan trọng: các chỉ tiêu cơ bản đều đạt và vượt mức kế hoạch đề ra. Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 3%. Cơ cấu nông nghiệp, nông thôn đã được chuyển đổi một bước cơ bản. Nhiều mô hình trong phong trào xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha/năm đã xuất hiện ở nhiều nơi. Đời sống của nông dân đã được cải thiện. Tỷ lệ đói nghèo giảm đáng kể. Dưới đây là một số chỉ tiêu chủ yếu:

Sản lượng lúa cả năm đạt 34,5 triệu tấn, tăng 0,2% so với năm 2002. Nếu tính thêm 2,9 triệu tấn ngô và các loại cây lương thực khác thì tổng sản lượng lương thực có hạt 37,45 triệu tấn, tăng 1,3% (500 nghìn tấn) so với năm trước. Sản lượng cà phê nhân đạt 770 nghìn tấn, tăng 10,3%; cao su mủ khô: 314 nghìn tấn, tăng 5,3%; hồ tiêu: 70 nghìn tấn, tăng 49,8%; hạt điều: 160 nghìn tấn, tăng 23,7%; chè búp tươi: 425,4 nghìn tấn, tăng 0,4%; rau đậu các

loại: 7,78 triệu tấn, tăng 6,4%. quả các loại: 9,5 triệu tấn, tăng 6,2%.

Chăn nuôi đạt tốc độ tăng trưởng 8% so với năm 2002. Đàn trâu khoảng 2,83 triệu con, tăng 0,7% so với năm 2002; đàn bò: 4,4 triệu con, tăng 8,2%, trong đó bò sữa: 74 nghìn con, tăng 32,6%; đàn lợn: 24,8 triệu con, tăng 7,4%; gia cầm: 254,3 triệu con, tăng 9,0%. Sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 2,3 triệu tấn, tăng 8,4%.

Trồng rừng tập trung năm 2003 đạt 192 ngàn ha, tăng 1,0% so với năm trước; trồng cây phân tán: 192 triệu cây; chăm sóc rừng trồng: 420 ngàn ha, tăng 3,9%; khoanh nuôi tái sinh: 953 ngàn ha, tăng 0,8%; khoán bảo vệ trên 2,5 triệu ha, tăng 0,4%. Diện tích rừng bị cháy giảm 60%, bị phá giảm 53% so với năm trước. Độ che phủ rừng đạt 37,5% so với 35,7% năm 2000.

Sản xuất muối cả năm đạt 750 ngàn tấn.

Giá trị tổng sản lượng của công nghiệp chế biến đạt 7.228 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2002.

Kim ngạch xuất khẩu hàng nông sản đạt 3,25 tỷ USD, tăng 16% so với năm trước. Do khó khăn về thị trường, nhất là ảnh hưởng bởi Đại dịch SARS và chiến tranh Iraq, kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm đạt thấp hơn năm 2002 như: Hồ tiêu (-3,0%), thịt lợn (-9,8%), rau quả (-24,5%), chè (-28%). Tuy vậy, nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam tiếp tục giữ vững vị thế trên thị trường thế giới. Khối lượng gạo xuất khẩu năm 2003 đạt 3,86 triệu tấn, kim ngạch đạt 727 triệu USD, tăng 19,2% về lượng và 0,2% về giá trị so với năm trước. Cao su, cà phê, hạt điều nhân và hàng lâm sản đạt mức kim ngạch cao hơn năm trước theo thứ tự : 43,1%, 41,7%, 36,1 và 35,5%.

Như vậy, năm 2003 là năm nông nghiệp được mùa, được giá; nông sản hàng hoá được tiêu thụ thuận lợi hơn năm trước. Đây là một tiến bộ đáng khích lệ, phản ánh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp bắt đầu phát huy hiệu quả; sản xuất đã có sự điều chỉnh theo nhu cầu thị trường.

Vụ Đông xuân năm 2004, theo báo cáo thống kê, đến 15/3/2004) cả nước gieo cấy trên 2,9 triệu ha, giảm 50 nghìn ha so với vụ trước. Do hạn hán, các tỉnh phía Bắc phải chuyển một phần diện tích lúa sang trồng ngô, lạc, đậu tương... Riêng vùng Đồng bằng sông Cửu Long đã thu hoạch 85% diện tích lúa gieo cấy, năng suất bình quân đạt 6 tấn/ha, ước sản lượng toàn vùng đạt khoảng 8,8 – 9,0 triệu tấn. Cuối tháng 3, nông dân trong vùng đang chuyển trọng tâm sang xuống giống vụ Hè thu. Diện tích ngô, rau đậu các loại và cây công nghiệp ngắn ngày tăng khá cao so cùng kỳ năm trước.

Việc tiêu thụ hàng nông sản trong những tháng đầu năm 2004 có nhiều tín hiệu khả quan. Riêng tháng 3/2004, khối lượng gạo xuất khẩu tăng 28%, hạt điều 66,7%, hồ tiêu 25% so cùng kỳ năm trước.

2. Tình hình nông thôn

- Sản xuất công nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản đạt mức tăng khá. Ngành nghề nông thôn tiếp tục được khuyến khích phát triển, đạt tốc độ tăng trưởng 15% so với năm 2002.

- Thủy lợi được Nhà nước ưu tiên đầu tư, nhất là các công trình trọng điểm, công trình chặn dòng, vượt lũ... Công tác tu bổ đê, kè, cống được triển khai tích cực, bảo đảm an toàn đê, hồ đập trong điều kiện có thiên tai. Các dự án ODA được chú trọng đẩy nhanh tiến độ thi công và giải ngân. Các chương trình phát triển thủy lợi miền Trung, Tây Nguyên, ĐBSCL và chương trình an toàn các hồ chứa đều đảm bảo tiến độ thực hiện.

- Chương trình ĐCĐC, di dân và KTM hướng trọng tâm đầu tư vào việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, mùa vụ; thúc đẩy sản xuất hàng hoá dựa trên khai thác lợi thế của từng vùng, từng địa phương. Ba năm qua (2001 – 2003) Chương trình đã định canh định cư 80 nghìn hộ, di dân 40 nghìn hộ.

- Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch tăng 4% so với năm 2002, nâng tỷ lệ bình quân cả nước lên 54%. Các mô hình hồ xí và chuồng trại hợp vệ sinh, mô hình xử lý chất thải ở các làng nghề nông thôn được thực hiện có kết quả.

- Các dự án sử dụng vốn vay của ADB và AFD (150 triệu USD) để xây dựng hạ tầng cơ sở hạ tầng nông thôn tiếp tục được triển khai trên địa bàn 23 tỉnh nghèo, chủ yếu tập trung đầu tư phát triển giao thông, thủy lợi nhỏ, chợ nông thôn, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Cùng với các chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình Khuyến nông, Dự án xây dựng 14 xã điểm (mô hình xây dựng nông thôn theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hợp tác hoá, dân chủ hoá) đã được triển khai tích cực.

Thành tựu đạt được trong ngành Nông nghiệp cùng với kết quả thực hiện các chương trình phát triển nông thôn trong thời gian qua đã làm thay đổi diện mạo khu vực nông thôn. Hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn được tăng cường và hoàn thiện hơn. Thu nhập và đời sống, sinh hoạt của người dân nông thôn tiếp tục được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2003 khoảng 12%, giảm 2,5% so với năm trước.

Có thể khẳng định rằng, thời gian qua, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã cơ bản giải quyết được những vấn đề trọng yếu do thực tiễn đặt ra, liên tục phấn đấu và đạt được các mục tiêu quan trọng: Sản xuất tăng trưởng khá ổn định, an ninh lương thực quốc gia được đảm bảo, việc tiêu thụ sản phẩm thuận lợi hơn năm trước, nhất là những tháng cuối 2003, đầu 2004. Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai tích cực. Không khí sản xuất kinh doanh, vươn lên làm giàu khá sôi động trên hầu khắp các vùng.

Công tác xoá đói, giảm nghèo và giải quyết việc làm ở khu vực nông thôn đạt được kết quả khả quan.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn vẫn còn bộc lộ nhiều mặt hạn chế và yếu kém; trước mắt và cả những năm tới vẫn còn phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức to lớn.

II. Những yếu kém và thách thức

1. Nhiều nguồn tiềm năng to lớn trong nông nghiệp, nông thôn nhất là đất đai, lao động chưa được khai thác hợp lý và có hiệu quả.

2. Nền nông nghiệp Việt Nam cơ bản vẫn là một nền nông nghiệp năng suất, chất lượng thấp, sức cạnh tranh trên thị trường kém.

3. Cơ sở hạ tầng nông thôn còn yếu kém: Thuỷ lợi, giao thông, điện, thông tin liên lạc, kho tàng, chợ... đều rất thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền nông nghiệp sản xuất hàng hoá.

4. Một bộ phận trong cộng đồng dân cư nông thôn, nhất là ở vùng miền núi và đồng bào dân tộc vẫn còn phải sống trong tình trạng nghèo đói.

5. Khả năng phòng chống, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai rất hạn chế. Môi trường nhiều vùng nông thôn bị suy thoái; rừng vẫn bị tàn phá ở nhiều nơi; tình trạng xói mòn, thoái hoá đất, ô nhiễm nguồn nước diễn ra khá nghiêm trọng.

Trên đây là những khó khăn, thách thức mà ngành Nông nghiệp phải đương đầu trong thập kỷ đầu của thiên niên kỷ mới.

B- Một số nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2004 – 2005 và những năm tiếp theo

1. Tiếp tục thực hiện chủ trương chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn theo hướng phát huy lợi thế so sánh của mỗi vùng gắn với nhu cầu thị trường

Các giải pháp thực hiện:

- Năm 2003 Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo hoàn thành quy hoạch phát triển sản xuất các ngành sản phẩm của 7 vùng kinh tế và 61 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương.

- Năm 2004 – 2005 thực hiện mục tiêu đến năm 2005 hoàn thành cơ bản quy hoạch nông, lâm, diêm nghiệp cấp huyện và xã.

Vấn đề đang đặt ra:

- Chất lượng các quy hoạch phát triển nông nghiệp trong nhiều năm qua nói chung được đánh giá là chưa cao. Công tác quản lý quy hoạch chưa được các cấp kể cả Trung ương và địa phương quan tâm đúng mức.

- Công tác quy hoạch chiến lược phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn và là vấn đề khá phức tạp và Việt Nam còn thiếu kinh nghiệm.

Hướng giải quyết:

- Chỉ đạo các địa phương rà soát, điều chỉnh lại quy hoạch nông, lâm, diêm nghiệp trên cơ sở kết quả đạt được năm 2003;

- Công tác quy hoạch phải được cập nhật hàng năm, đồng thời cần chú trọng khâu quản lý quy hoạch.

2. Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

Các giải pháp thực hiện:

- Hoàn thành sắp xếp lại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo thuộc Bộ quản lý vào tháng 6/2004.

- Thực hiện phân cấp mạnh hơn để có cơ sở tập trung đầu tư, tháo gỡ khó khăn về tài chính nhằm phát huy sức mạnh của hệ thống khoa học, đào tạo của toàn ngành, tạo chuyển biến căn bản và toàn diện về phát triển khoa học công nghệ.

- Thúc đẩy việc triển khai thực hiện chương trình xây dựng mô hình công nghệ cao để đạt mục tiêu giá trị sản lượng 50 triệu đồng/ha, 50 triệu đồng/hộ/năm. Thực hiện mỗi Viện, Trường có khu trình diễn công nghệ cao; mỗi tỉnh có mô hình công nghệ cao cho 4-5 sản phẩm chủ lực của tỉnh; các doanh nghiệp, chủ trang trại đẩy nhanh việc ứng dụng công nghệ cao trong quy trình sản xuất, đặc biệt đối với các sản phẩm xuất khẩu.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Chương trình Giống cây trồng, giống vật nuôi và Giống cây lâm nghiệp.

- Các trường đào tạo hướng vào yêu cầu đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của nền nông nghiệp chất lượng cao và nông nghiệp sạch. Đa dạng hoá đối tượng đào tạo. Ưu tiên đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo quản lý cho cán bộ HTX, chủ trang trại, chủ doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn.

Vấn đề đang đặt ra:

- Công tác nghiên cứu khoa học chủ yếu phụ thuộc vào ngân sách nhà nước. Phương thức hợp đồng nghiên cứu theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp chưa được khuyến khích hình thành. Vốn đầu tư cho nghiên cứu khoa học và công tác khuyến nông, chuyển giao công nghệ rất thấp so với yêu cầu.

- Phần lớn trang thiết bị nghiên cứu, thí nghiệm lạc hậu vì trang bị đã quá lâu, hầu như chưa có Viện nào được trang bị hoàn thiện, ngang tầm yêu cầu nhiệm vụ hiện nay.

- Lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật đông nhưng không đủ mạnh. Nhiều lĩnh vực thiếu chuyên gia đầu ngành. Đội ngũ cán bộ trẻ, kế cận còn quá mỏng.

- Công nghệ sinh học nông nghiệp nói chung còn ở trình độ thấp, còn khoảng cách xa so với nhiều nước trong khu vực.

Hướng giải quyết:

- Tăng mức đầu tư cho nghiên cứu khoa học
- Tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ khoa học trẻ đi đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn; xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành
- Tăng cường hợp tác về khoa học công nghệ với các nước trong khu vực và thế giới.

3. Đẩy mạnh việc thực hiện Chương trình phát triển nông thôn

Các giải pháp chính:

(1) Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc: Chỉ đạo thực hiện công tác xoá đói giảm nghèo ở các vùng còn nhiều khó khăn, chậm phát triển thông qua các chương trình phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

Lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình mục tiêu quốc gia Xoá đói giảm nghèo và Việc làm, Chương trình 135, Chương trình Trồng mới 5 triệu ha rừng, Định canh, định cư và Kinh tế mới, Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn; nhân rộng mô hình xoá đói giảm nghèo có hiệu quả phù hợp với điều kiện cụ thể ở từng địa phương. Đẩy nhanh xã hội hoá công tác xoá đói giảm nghèo; phấn đấu giảm tỷ lệ hộ đói nghèo 2%/năm.

(2) Khuyến khích tạo lập các khu công nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề truyền thống trên cơ sở vốn của địa phương và của doanh nghiệp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất.

(3) Phát triển công nghệ sau thu hoạch và công nghiệp chế biến nông sản, nhất là nông sản xuất khẩu; phát triển mạnh ngành nghề, tăng thêm việc làm mới và tạo bước chuyển dịch lao động nông nghiệp sang sản xuất phi nông nghiệp.

(4) Tiếp tục thực hiện các chương trình thuỷ lợi: (1) Chương trình phục hồi, nâng cấp các công trình vùng Đồng bằng sông Hồng; (2) chương trình an toàn hồ chứa nước ở miền Trung và Tây Nguyên; (3) Chương trình Kiểm soát lũ vùng Đồng bằng sông Cửu Long; (4) Chương trình thuỷ lợi nhỏ vùng Trung du MNPB; (5) Chương trình an toàn đê và (6) Chương trình kiên cố hoá kênh mương.

Các vấn đề đang đặt ra:

- Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn chiếm khoảng 90% tổng số hộ nghèo trong cả nước. Khoảng cách chênh lệch về thu nhập bình quân đầu người giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng nông thôn rậm rạp và ngày càng rộng ra.

- Quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp – nông thôn diễn ra chậm chạp. Trong khi nhu cầu mua sắm trang thiết bị, máy móc cơ khí phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản... của các hộ nông dân và doanh nghiệp rất lớn nhưng khả năng tài chính có hạn.

- Nợ tồn đọng cần được xử lý đối với các chương trình/dự án thuỷ lợi tính đến cuối năm 2003 lên tới gần 1.300 tỷ đồng.

Hướng giải quyết:

- Kế hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn cấp quốc gia cũng như trong từng địa phương cần bảo đảm yêu cầu tăng trưởng phải đi đôi với xoá đói giảm nghèo trên từng địa bàn. Tương quan giữa các chỉ tiêu này phản ánh mặt chất lượng của sự tăng trưởng.

- Bộ Nông nghiệp và PTNT có văn bản:

+ Đề xuất Chính phủ một số chủ trương, chính sách hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp mua sắm trang thiết bị phục vụ yêu cầu sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động và chất lượng hàng nông sản.

+ Kiến nghị Chính phủ biện pháp xử lý nợ XDCB còn tồn đọng, không để nợ kéo dài, giảm bớt khó khăn cho các doanh nghiệp.

4. Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển thị trường, hoàn thiện hệ thống tổ chức kinh doanh tiêu thụ nông lâm sản hàng hoá trong nước và xuất khẩu; chủ động hội nhập kinh tế khu vực và thế giới

Các giải pháp:

- Mở rộng thị trường nội địa, nhất là thị trường nông thôn;

- củng cố thị trường nước ngoài đã có, đồng thời tích cực triển khai các phương án thâm nhập thị trường mới; chú trọng thị trường Mỹ, thị trường châu Phi. Đẩy mạnh chương trình xúc tiến thương mại và tổ chức các hội chợ, triển lãm, quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, chấp nối bạn hàng và đối tác kinh doanh.

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường để đáp ứng nhu cầu của các nhà sản xuất và kinh doanh.

Vấn đề đặt ra:

- Chương trình phát triển thị trường và Xúc tiến thương mại mới chỉ triển khai hơn 1 năm. Đây là lĩnh vực mới, thiếu cán bộ có kiến thức và kinh nghiệm trong các hoạt động và triển khai thực hiện Chương trình.

- Kết cấu hạ tầng thương mại hiện nay còn nhiều bất cập và yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu lưu thông, tiêu thụ hàng hoá nông sản.

- Các thông tin về thị trường chủ yếu còn dưới dạng thông báo, đăng tin thuần túy, thiếu những tài liệu phân tích, tổng hợp và đưa ra những dự báo có cơ sở thực tiễn và đáng tin cậy.

Hướng giải quyết:

- Triển khai công tác quy hoạch phát triển các loại chợ.

- Khuyến khích các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đầu tư hoặc góp vốn cùng Nhà nước đầu tư xây dựng các loại chợ.

- Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống thông tin thị trường từ Trung ương đến các địa phương.

- Thành lập các điểm thông tin thị trường ở các vùng chuyên canh, tỷ suất hàng hoá lớn; phối hợp hoạt động của các điểm thông tin với hoạt động của các tổ chức khuyến nông, các câu lạc bộ, các hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp.

- Đặt vấn đề với các tổ chức quốc tế về đề nghị trợ giúp kỹ thuật xây dựng thí điểm sàn giao dịch nông sản và nâng cao năng lực xúc tiến thương mại đối với hàng nông sản.

5. Hoàn thiện và đổi mới các chính sách, tiếp tục tạo động lực thúc đẩy sản xuất hàng hoá nông nghiệp phát triển

Các giải pháp chính:

- Tổ chức thực hiện cả bề rộng và bề sâu các luật, pháp lệnh và các chính sách, cơ chế đã ban hành; khẩn trương xây dựng hệ thống văn bản pháp quy có liên quan đến việc thi hành Luật Hợp tác xã, Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (sửa đổi) đã được Quốc hội khoá XI thông qua tháng 11/2003. Đồng thời triển khai công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về các văn bản luật.

- Thực hiện nhất quán chính sách: Nhà nước đầu tư vốn ngân sách để phát triển kết cấu hạ tầng gồm công trình thuỷ lợi, đường giao thông đến xã, đường điện hạ thế xã, công trình nước sạch, trường học, bệnh xá; bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các công trình phòng chống thiên tai, bảo vệ môi

trường; phát triển các dịch vụ công cộng như : thông tin thị trường, khuyến nông, khuyến lâm, bảo vệ thực vật, thú y, thủy nông với sự tham gia của nông dân; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, quản lý chất lượng hàng hoá.

- Nguồn vốn trong dân tập trung đầu tư phát triển sản xuất dựa vào nguồn vốn tự có của các thành phần kinh tế trong toàn xã hội và vốn vay ngân hàng, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Nguồn vốn đầu tư phát triển nông thôn dựa vào các nguồn vốn sau:

+ Thuế sử dụng đất nông nghiệp để lại để xây dựng nông thôn;

+ Vốn dân tự đóng góp và huy động sức dân xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn;

+ Tranh thủ tìm kiếm nguồn viện trợ quốc tế.

- Vốn vay lãi suất ưu đãi chủ yếu dành cho các đối tượng là hộ nghèo, các hộ dân bị hậu quả bởi thiên tai, hộ trồng rừng sản xuất thuộc Chương trình Trồng mới 5 triệu ha rừng; khuyến khích phát triển hình thức hỗ trợ tín dụng tự nguyện trong cộng đồng do dân tổ chức với sự trợ giúp của các tổ chức trong nước và quốc tế

Vấn đề đặt ra:

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện luật, Pháp lệnh, Nghị định... thường chậm, thiếu đồng bộ dẫn đến sự chậm trễ trong việc đưa các chủ trương chính sách lớn vào cuộc sống.

- Hiện nay trong lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn tồn tại khá nhiều vấn đề rất cần có cơ chế, chính sách giải quyết nhằm tạo thêm động lực phát triển, nhất là các chính sách nhằm đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn như:

+ Chính sách khuyến khích nông dân dồn điền, đổi thửa, sản xuất theo quy hoạch; thực hiện hợp đồng bán sản phẩm cho doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu;

+ Chính sách hỗ trợ diêm dân cải tạo đồng muối và ứng dụng khoa học công nghệ mới trong sản xuất và chế biến muối;

+ Chính sách hỗ trợ nông dân mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản,... nhằm nâng cao năng suất lao động và chất lượng sản phẩm;

+ Chính sách đổi mới quản lý khoa học công nghệ, gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất;

+ Chính sách đào tạo nghề, đào tạo cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở cho các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa; chính sách khuyến khích, đãi ngộ cán bộ khoa học về công tác vùng nông thôn miền núi.

Hướng giải quyết:

- Xúc tiến việc khảo sát, nghiên cứu, xây dựng văn bản trình Thủ tướng Chính phủ ban hành các chính sách trên đây.

6. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực cho nông nghiệp – nông thôn

Các giải pháp chính:

- Đa dạng hoá hình thức và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

- Đầu tư nhiều hơn cho đào tạo nguồn nhân lực nông thôn miền núi với những chính sách phù hợp như miễn giảm chi phí đào tạo, đào tạo theo yêu cầu địa phương và có cam kết đảm bảo đào tạo có địa chỉ;

- Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học cho đội ngũ cán bộ nghiên cứu để đủ khả năng khai thác thông tin, phục vụ cho chiến lược đi tắt, đón đầu, nhanh chóng tiếp cận những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ thế giới.

Vấn đề đặt ra:

- Trong điều kiện nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu vào khu vực và thế giới, vấn đề phổ biến, cấp nhật kiến thức mới cho cán bộ trong Ngành đang đặt ra rất bức xúc;

- Lao động chưa qua đào tạo ở khu vực nông thôn còn chiếm tỷ lệ cao và nhu cầu đào tạo, đào tạo lại cho đội ngũ cán bộ của Ngành rất lớn nhưng năng lực của các cơ sở đào tạo có hạn.

- Nguồn ngân sách nhà nước dành cho lĩnh vực đào tạo quá hạn hẹp với yêu cầu đào tạo, tập huấn của Ngành.

Hướng giải quyết:

- Huy động kinh phí từ các nguồn ngân sách địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức, hiệp hội,... trong nước;

- Đặt vấn đề với các nhà tài trợ, các tổ chức quốc tế về đề nghị trợ giúp kỹ thuật tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ ngành Nông nghiệp trong các lĩnh vực: Quản lý tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế và hội nhập để tăng thêm nguồn lực cho phát triển của Ngành trong những năm trước mắt cũng như lâu dài

Các giải pháp chính:

- Nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các quy định phù hợp với yêu cầu phát triển, đáp ứng lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng nâng cao tính minh bạch, công khai thông tin quản lý.

- Tiếp tục thực hiện các dự án hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy lợi. Bố trí đủ cán bộ có năng lực và nguồn vốn đối ứng nhằm tranh thủ tối đa có hiệu quả nguồn vốn vay và viện trợ của nước ngoài. Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch thu hút và sử dụng vốn ODA, FDI;

- Tích cực chuẩn bị và đàm phán WTO về nông nghiệp, kiểm dịch động vật, đầu tư, dịch vụ,... Tiếp tục triển khai chương trình hành động của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ và các hoạt động song phương khác; triển khai các hoạt động liên quan đến chương trình tự do hóa tự nguyện sớm các hoạt động khoa học kỹ thuật của APEC.

- Tổ chức triển khai chương trình hành động của ngành nông nghiệp và PTNT thực hiện Nghị quyết 7 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về hội nhập kinh tế – quốc tế; tổ chức các lớp đào tạo đáp ứng cho yêu cầu hội nhập.

Vấn đề đặt ra:

- Vấn đề hội nhập kinh tế quốc tế, nhất là việc gia nhập WTO là vấn đề phức tạp, nan giải và đang đặt ra cho Ngành nhiều thách thức to lớn cả về phương diện kinh tế và xã hội.

- Với điểm xuất phát thấp kém của nền nông nghiệp, thế và lực của Ngành đều yếu. Đội ngũ cán bộ của Ngành thiếu kiến thức và kinh nghiệm.

Hướng giải quyết:

Đặt vấn đề với các tổ chức quốc tế trợ giúp kỹ thuật cho Ngành:

i) Phổ biến tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, phổ biến các quy định của WTO và của các tổ chức quốc tế khác cho các doanh nghiệp, địa phương và nông dân.

ii) Rà soát và xây dựng chính sách liên quan đến thương mại, đầu tư, thu hút đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp.

* * *

Bộ Nông nghiệp và PTNT đánh giá cao và cảm ơn sự cộng tác và hỗ trợ có hiệu quả của các tổ chức quốc tế, các nước, các tổ chức phi chính phủ cho sự nghiệp phát triển nông nghiệp và nông thôn Việt Nam trong nhiều năm qua và mong muốn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn nữa của cộng đồng quốc tế trong những năm tới.